

Bản án số: 620/2023/DS-PT

Ngày: 11-12-2023

V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 244/2023/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 769/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S.

Địa chỉ: Khu phố A, Phường I, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo pháp luật: Huỳnh Khánh D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: B, L, Phường E, Tp ., tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Văn Minh D1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

* *Nguyên đơn Công ty TNHH S trình bày:* Vào tháng 02/2019, anh D1 đến Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty P) yêu cầu lắp đặt tường nhà xưởng cho cơ sở của anh D1 ở ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chi phí lắp đặt 165.000.000 đồng, anh D1 đưa trước 100.000.000 đồng, phần còn lại khi hoàn thành công trình sẽ thanh toán.

Công ty đã thi công xong và đưa nhà xưởng vào hoạt động nhưng anh D1 không thanh toán số tiền 65.000.000 đồng còn lại mặc dù nhiều lần Công ty yêu cầu anh D1 thanh toán.

Trong quá trình thi công nhà xưởng là do Công ty S trực tiếp hợp đồng thi công với anh D1 nhưng các bên chỉ có thỏa thuận miệng, không có làm văn bản hợp đồng. Công ty S có giao vật tư và người nhận là Trần T đại diện phía anh D1 nhận. Khi thi công xong công trình, Công ty S có quyết toán đơn hàng với anh D1 tổng cộng là 165.000.000 đồng và đưa anh D1 ký tên nhưng anh D1 có trả số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 65.000.000 đồng, anh D1 không có ký tên xác nhận của bên khách hàng.

Anh D1 cho rằng anh chỉ là người giới thiệu để Công ty S thi công công trình và không biết tên Công ty khách hàng là không đúng vì Công ty S trực tiếp làm việc, hợp đồng, thi công và nhận tiền từ anh D1 chứ không làm việc, hợp đồng từ Công ty của người Đài Loan. Anh D1 cũng xác định khi thi công không đúng theo thỏa thuận thì anh D1 có thể yêu cầu Công ty S thi công lại hoặc sửa chữa nhưng anh D1 không yêu cầu và tự sửa chữa rồi tự chấm dứt thi công và không trả tiền cho Công ty S là không đúng.

Do đó, Công ty S yêu cầu anh D1 trả tiếp số tiền mà công ty đã thi công nhà xưởng mà anh D1 còn thiếu số tiền 65.000.000 đồng, yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn anh Văn Minh D1 trình bày:* Vào tháng 02/2019, anh D1 là người trung gian giới thiệu cho Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) thi công lắp đặt tường nhà xưởng cho Công ty N1 của người Đài Loan (*không rõ tên và địa chỉ của công ty*) ở xã A, Thành phố T, tỉnh Long An thông qua người tên là T1 (*không rõ họ tên, địa chỉ*) là người làm của Công ty N1 của người Đài Loan. Anh D1 có nhận từ anh T1 này số tiền 100.000.000 đồng về giao dùm cho Công ty S chứ anh D1 và Công ty S không có ký hợp đồng thi công lắp đặt. Khi công ty giao vật tư cho người đại diện khách hàng nhận vật tư tên là Trần T không phải là người làm của anh D1 mà là người ở Công ty S hay ai đó, anh D1 không biết rõ tên, địa chỉ. Anh D1 không có ký hợp đồng cũng như không có ký xác nhận nhận vật tư, thiết bị, không ký xác nhận công nợ đối với Công ty S.

Khi thi công, do Công ty S thi công không đúng theo thỏa thuận nên Công ty N1 đã chấm dứt thi công với Công ty S và đã thuê anh D1 sửa chữa lại. Hiện nay, anh D1 không còn liên hệ với Công ty N1 này nên không có thể cung cấp được tên, địa chỉ cũng như thông tin về Công ty N1 mà công ty S đã thi công, đề nghị công ty S liên hệ để giải quyết vụ án.

Do đó, anh D1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty S, không đồng ý trả 65.000.000 đồng vì công ty S không có thi công nhà xưởng cho anh D1.

Tại Bản án sơ thẩm số 244/2023/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 274, Điều 280, Điều 385 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 138 và Điều 140 Luật Xây dựng; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S về việc yêu cầu anh Văn M Diệp trả số tiền 65.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 10/7/2023, nguyên đơn Công ty TNHH S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang do bản án sơ thẩm xử chưa khách quan, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và kháng định chính anh Văn Minh D1 đã trực tiếp thỏa thuận với Công ty S cung cấp vật tư và thi công lắp đặt tường theo yêu cầu của anh D1, anh trả trước 100.000.000 đồng, sau khi thi công xong chính anh D1 ký biên bản nghiệm thu. Vì vậy, anh D1 phải có trách nhiệm thanh toán phần nợ còn lại 65.000.000 đồng.

Về phía bị đơn cho rằng, anh D1 chỉ giới thiệu cho Công ty S thi công cho đơn vị khác, anh chỉ nhận chuyển giao giúp 100.000.000 đồng và ký nhận vật tư, nghiệm thu để lấy hoa hồng từ Công ty S, cho nên anh D1 không đồng ý trả phần nợ mà Công ty S. yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của

các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Huỳnh Khánh D - đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S khởi kiện yêu cầu anh Văn M Diệp trả số tiền nợ vật tư xây dựng là 65.000.000 đồng, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng xây dựng” và thụ lý giải quyết là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử vụ kiện giữa Công ty TNHH S với anh Văn Minh D1. Không đồng ý với phán quyết của bản án sơ thẩm, ngày 10/7/2023, nguyên đơn Công ty TNHH S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là còn trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung: Số nợ mà 02 bên tranh chấp xuất phát từ việc thỏa thuận giữa Công ty TNHH S cung cấp vật tư và thi công tường nhà xưởng với anh Văn Minh D1.

Nguyên đơn cho rằng hai bên thỏa thuận miệng, phía anh D1 trực tiếp ký nhận vật tư và kết toán nợ, ký biên bản nghiệm thu nên yêu cầu anh D1 phải có trách trả nợ. Về phía anh D1 thì khai anh chỉ là trung gian giới thiệu để Công ty TNHH S thi công lắp đặt để được hưởng hoa hồng nên không có trách nhiệm trả nợ.

Xét thấy, việc anh D1 cho rằng chỉ là người giới thiệu để hưởng hoa hồng là không có căn cứ, bởi lẽ việc này phía đại diện Công ty TNHH S không thừa nhận, mặt khác, qua diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thể hiện ngày 19/11/2018 chính anh D1 đã ký xác nhận đơn hàng với Công ty TNHH S tổng số tiền là 225.472.000 đồng, cùng ngày anh thanh toán cho Công ty TNHH S 100.000.000 đồng và đến ngày 04/3/2019 chính anh D1 cũng ký xác nhận biên bản nghiệm thu công trình. Không có tài liệu nào thể hiện anh ký nhận thay hay là người giới thiệu, anh ký nhận đơn hàng giá trị 225.472.000 đồng, mới trả 100.000.000 đồng, phía nguyên đơn chỉ kiện đòi 65.000.000 đồng là đã có lợi cho anh, bản thân anh trực tiếp ký nhận hàng, trả tiền, ký nghiệm thu mà lại không chứng minh được công ty S trực tiếp ký hợp đồng thi công lắp đặt các thiết bị anh D1 đã nhận cho công ty cụ thể nào khác nên anh phải gánh lấy trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của công ty S số tiền 65.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự
- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH S.
- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 244/2023/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 440 Bộ luật Dân sự; Điều 138 và Điều 140 Luật Xây dựng; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S - đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Hoàng A.

Buộc anh Văn Minh D1 phải trả cho Công ty TNHH S số tiền 65.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

- Anh Văn Minh D1 phải chịu 3.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho Công ty TNHH S 1.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0025348 ngày 18/11/2022 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0026124 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C .
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng